

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-UBND

Tân Yên, ngày ..... tháng 5 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư  
thôn Chấn, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị; Nghị định 72/2019 NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật kiến trúc;*

*Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật”, mã số QCVN 07:2016/BXD; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng”- (QCVN:01/2021/BXD);*

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000); Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Tân Yên;

Căn cứ Công văn số 3833/UBND-XD ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện quy hoạch các khu đô thị trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 5550/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lam Cốt, huyện Tân Yên giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2025 (tỷ lệ 1/5.000); Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lam Cốt; Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lam Cốt, huyện Tân Yên đến năm 2025 (tỷ lệ 1/5.000);

Căn cứ Công văn số 882/SXD-QHKT ngày 13/4/2022 của Sở Xây dựng Bắc Giang về việc tham gia ý kiến đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Chản, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500);

Căn cứ Quyết định số 262a/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Chản, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500);

Căn cứ Biên bản và Phiếu lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan đối với đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư thôn Chản, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500) ngày 08/3/2022;

Căn cứ Kết luận phiên họp UBND huyện ngày 16/3/2022 tại Thông báo số 54/TB-UBND ngày 18/3/2022 về nội dung Hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư thôn Chản, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500); Kết quả thẩm định Hồ sơ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư thôn Chản, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500) của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 103/BCTĐ-KTHT ngày 24/5/2022.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư thôn Chản, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500), với các nội dung chính như sau:

### **1. Vị trí, ranh giới và quy mô nghiên cứu**

**a. Vị trí khu đất:** Khu vực lập quy hoạch nằm trung tâm xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, thuộc thôn Chản và thôn Vân Chung.

### **b. Ranh giới nghiên cứu:**

- Phía Bắc: Giáp khu dân cư thôn Chản và đường huyện Cao Xá - Lam Cốt;
- Phía Nam: Giáp ruộng canh tác và khu dân cư hiện trạng thôn Vân Chung;
- Phía Đông: Giáp đường bê tông vào thôn Vân Chung;

- Phía Tây: Giáp nhà văn hóa thôn Chản và khu dân cư thôn Chản.

**c. Quy mô đồ án:**

- Quy mô diện tích quy hoạch khoảng 9,23 ha.

- Quy mô dân số dự kiến khoảng: 820 người

**d. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư thôn Chản, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500).

**2. Tính chất:** Là khu dân cư mới với các chức năng bao gồm đất ở mới và các công trình công cộng được quy hoạch xây dựng đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

**3. Quy hoạch sử dụng đất**

**3.1. Cơ cấu sử dụng đất khu dân cư**

STT	Chức năng SDD	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tầng cao (tầng)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Đất ở</b>		<b>22.633,16</b>	<b>2÷5</b>	<b>24,51</b>
1	Đất ở liền kề	LK	20.628,7	3÷5	22,34
2	Đất ở tái định cư	TĐC	972,42	3÷5	1,05
3	Biệt thự	BT	1.032,04	2÷3	1,12
<b>II</b>	<b>Đất công trình công cộng</b>		<b>5.742,29</b>	<b>1÷7</b>	<b>6,22</b>
<b>III</b>	<b>Đất cây xanh, TT</b>	<b>CX</b>	<b>11.518,39</b>	<b>1</b>	<b>12,47</b>
<b>IV</b>	<b>Đất giao thông, kỹ thuật</b>		<b>52.444,10</b>	<b>1</b>	<b>56,80</b>
1	Đất giao thông	GT	44.809,68		
2	Đất bãi đỗ xe tĩnh	P	2.429,84		
3	Đất kỹ thuật rãnh sau nhà	RSN	4.894,79		
4	Đất gas rác, trạm xử lý nước thải	KT-R	309,79	1	
	<b>Tổng diện tích</b>		<b>92.337,94</b>	<b>1÷7</b>	<b>100</b>

**3.2. Quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng**

\*. **Đất thương mại - dịch vụ:** Ô đất ký hiệu TMDV xây dựng công trình thương mại dịch vụ tổng diện tích 5.742,29m<sup>2</sup>, mật độ xây dựng tối đa 60-70%, tầng cao tối đa 7 tầng.

\*. **Đất cây xanh:** Ô đất ký hiệu CX-01 đến CX - 7.

\*. **Đất nhà liền kề:** Gồm 08 ô đất ký hiệu từ LK-01 đến LK-08 là nhà ở liền kề với tổng diện tích 20.628,7m<sup>2</sup>, mật độ xây dựng 85-100%, tầng cao tối đa 5 tầng.

\*. **Đất ở tái định cư:** Gồm 01 ô đất ký hiệu TĐC là nhà ở liền kề với tổng diện tích 972,42m<sup>2</sup>, mật độ xây dựng 90%, tầng cao tối đa 5 tầng.

\*. **Đất nhà ở Biệt thự:** Gồm 01 ô đất ký hiệu từ BT - 01 là nhà ở biệt thự với tổng diện tích 1.032,04m<sup>2</sup>, mật độ xây dựng 60%, tầng cao tối đa 5 tầng.

\*. **Đất bãi đỗ xe:** Bao gồm 03 ô đất kí hiệu P-01 đến P-03, với tổng diện tích 2.429,84m<sup>2</sup>.

\*. **Đất hạ tầng kỹ thuật và tập kết rác** : Ô đất kí hiệu KT-R là công trình trạm xử lý nước thải và tập kết rác, với diện tổng tích 309,79m<sup>2</sup>.

\*. **Đất giao thông, hạ tầng sau nhà** : Đất đường giao thông với diện tích: 42.659.58m<sup>2</sup>; Đất hạ tầng sau nhà với diện tích: 4.894,79m<sup>2</sup>.

### 3.3. Khoảng lùi công trình

*Khoảng lùi tối thiểu được xác định dựa vào chiều cao tầng ô đất trong Quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, chỉ giới các tuyến đường giao thông và quy định trong các văn bản pháp luật về Quy hoạch đô thị.*

+ Đối với ô đất xây dựng nhà ở liền kề chỉ giới đường đỏ trùng với chỉ giới xây dựng;

+ Đối với ô đất xây dựng nhà biệt thự và dãy tái định cư khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ: 3,0m.

+ Công trình nhà thương mại dịch vụ: Mật độ xây dựng 60 - 70%; Tầng cao tối đa 7 tầng, chỉ giới xây dựng lùi 6,0m so với chỉ giới đường đỏ.

## 4. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

### 4.1. Quy hoạch giao thông

Mạng lưới đường của khu dân cư được thiết kế mới và mở rộng kết hợp với mạng lưới đường hiện có tạo thành một mạng lưới liên hoàn, đảm bảo sự liên kết giữa các khu chức năng trong khu dân cư.

*Mặt cắt 1-1 gồm tuyến N1.*

+ Chiều rộng nền:  $B_n = 22,0m$ .

+ Chiều rộng mặt:  $B_m = 10,5m$ .

+ Chiều rộng hè: Hai bên vỉa hè mỗi bên rộng 6,0m

+ Độ dốc ngang mặt đường:  $i = 2.0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i = 1,5\%$ .

*Mặt cắt 2-2 gồm tuyến N3, tuyến N4, tuyến N7, tuyến N9:*

+ Chiều rộng nền:  $B_n = 19.0 \div 20,0m$ .

+ Chiều rộng mặt:  $B_m = 10,0m$ .

+ Chiều rộng hè: Hai bên vỉa hè bên trái rộng 6.0m bên phải rộng 3 ÷ 6,0m

+ Độ dốc ngang mặt đường:  $i = 2.0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i = 1,5\%$ .

*Mặt cắt 3-3 gồm tuyến N5, tuyến N6:*

+ Chiều rộng nền:  $B_n = 15.5 \div 17,0m$ .

+ Chiều rộng mặt:  $B_m = 8,0m$ .

+ Chiều rộng hè: Vỉa hè bên trái rộng 1.8 ÷ 6,0m và bên phải rộng 0.0 ÷ 6,0m.

+ Độ dốc ngang mặt đường:  $i = 2.0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i = 1,5\%$ .

*Mặt cắt 4-4 gồm tuyến N2:*

+ Chiều rộng nền:  $B_n = 38.3 \div 40,0m$ .

+ Chiều rộng mặt:  $B_m = 2 \times 8,0m$ .

+ Chiều rộng hè: Vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 6.0m.

+ Giải phân cách rộng từ 1.2 ÷ 10.3m.

+ Độ dốc ngang mặt đường:  $i = 2.0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i = 1,5\%$ .

*Mặt cắt 5-5 :*

+ Chiều rộng nền:  $B_n = 19.0$  m.

+ Chiều rộng mặt:  $B_m = 7$  m.

+ Chiều rộng hè: Vía hè bên phải rộng 6,0m.

+ Độ dốc ngang mặt đường:  $i = 2.0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i = 1,5\%$ .

#### 4.2. Quy hoạch san nền

Cao độ nền ô đất được thiết kế trên cơ sở cao độ tim đường, đảm bảo thiết kế kỹ thuật của đường, đảm bảo thoát nước mặt tự chảy. Cao độ san nền thiết kế thấp nhất +11.62 cao độ san nền thiết kế cao nhất +13.67.

#### 4.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước thiết kế cho khu vực quy hoạch riêng biệt giữa thoát nước mưa và nước thải theo chế độ tự chảy. Toàn bộ khu vực quy hoạch được chia thành 2 lưu vực lớn của hai bên kênh tiêu chính:

+ Toàn bộ lưu lượng nước mưa của khu vực bên phải kênh chính được thu gom thoát về cống phía đông của dự án.

+ Phía bên trái kênh chính nước mưa được thu gom thoát về mương tiêu phía nam của dự án.

- Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác, rồi tập trung chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

- Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30 (m).

- Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu  $i = 1/D$ .

- Hố ga được xây bằng gạch bê tông không nung, đáy hố ga đổ bê tông M200 dày 15cm trên lớp đá dăm dày 10cm. Nắp hố ga là tấm đan BTCT dày 10cm đổ tại chỗ.

- Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của dự án và các khu vực lân cận, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính từ D400-D1500.

Thiết kế hoàn trả các vị trí kênh xây, mương tiêu mà dự án đi qua và đầu nổi hoàn trả hướng thoát nước cho các cống hiện trạng.

#### 4.4. Quy hoạch cấp nước

Nguồn nước cấp cho khu vực được lấy theo quy hoạch chung xã Lam Cốt. Điểm cấp nước dự kiến phía Đông và phía Tây của dự án, gần trục đường huyện Cao Xá - Lam Cốt, đầu vào đường ống cấp nước D140 theo quy hoạch chung xã Lam Cốt. Vị trí điểm đầu nổi sẽ được xác định cụ thể ở giai đoạn sau của dự án.

*Nhu cầu cấp nước của khu vực lập quy hoạch là  $250 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ .*

#### 4.5. Quy hoạch cấp điện

- *Nguồn cấp điện:* Nguồn điện trung thế 22kV lộ 475-E7.24 tại cột số 4-CC/475-E7.24 lấy nguồn từ trạm 110Kv Cao Xá.

- *Lưới điện trung thế 22kV:*

+ Đường trung thế 22Kv hạ ngầm cấp điện cho các TBA xây dựng mới của dự án.

+ Xây dựng mới 03 TBA cấp điện cho khu dân cư và khu thương mại dịch vụ lần lượt có công suất là 630Kva; 630Kva; 400Kva-22/0,4Kv.

- *Lưới điện hạ thế:*

Trên cơ sở trạm biến áp đó thiết kế xây dựng đường dây 0,4kV cho phù hợp và đáp ứng nhu cầu dùng điện. Toàn bộ đường dây hạ thế đi ngầm.

+ Hệ thống lưới hạ thế sử dụng cấp điện áp 380/220kV ba pha bốn dây trung tính nối đất trực tiếp. Lưới hạ thế khu vực sử dụng cáp ngầm tiết diện từ DSTA-3x50+1x35 đến DSTA-3x120+1x195 tùy lộ phụ tải, đi trong hào cáp hoặc trong hào kỹ thuật.

+ Bán kính lưới hạ thế không quá 300m trong khu quy hoạch, nhằm tránh độ sụt áp cuối đường dây.

+ Tủ hạ thế được làm bằng chất liệu Composite công nghệ ép nóng; kích thước 1200x 700x 450mm (cao x rộng x sâu ); Tủ được thiết kế hợp bộ đặt được 10 công tơ (6 công tơ 1 pha; 4 công tơ 3pha). Tủ đặt trên bệ cao 0,5m so với cốt vỉa hè. Tủ phân phối điện được đặt cố định trên bệ đặt tại giải phân cách giữa các khối nhà hoặc đặt trên vỉa hè đường giáp danh giữa 2 nhà. Tại các tủ phân phối điện hạ áp lắp đặt các aptomat bảo vệ và công tơ (không tính trong đề án này) đo đếm điện cho các hộ tiêu thụ. Cấp nguồn vào ra, cầu đấu dây, Đầu cáp vào ra phải được bọc ghen co ngót nóng.

- *Lưới điện chiếu sáng:*

+ Đường dây chiếu sáng xây dựng mới đi ngầm.

+ Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo mỹ quan cho toàn khu. Cột đèn chiếu sáng dùng cột bát giác cao từ 8 đến 12m tùy theo mặt cắt ngang đường. Dây dẫn dùng cáp CU/XLPE/DSTA/PVC 3x16+1x10mm<sup>2</sup> và CU/XLPE/DSTA/PVC 3x10+1x6mm<sup>2</sup>; cáp nguồn cấp cho tủ điều khiển chiếu sáng sử dụng cáp ngầm có tiết diện là Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x35+1x25mm<sup>2</sup>.

+ Hệ thống đường dây chiếu sáng được bố trí đi ngầm trên vỉa hè đảm bảo mỹ quan khu dân cư.

+ Đèn chiếu sáng dùng đèn LED công suất từ 100÷150W có ánh sáng màu vàng hoặc đèn có các thông số kỹ thuật tương đương. Độ dọi:

+ Đường chính: 0,8 ÷ 1cd/m<sup>2</sup>.

+ Đường khu vực: 0,6 ÷ 0,8cd/m<sup>2</sup>.

+ Để phù hợp với địa hình thực tế và để giảm kinh phí xây dựng, bố trí đèn 1 phía hoặc 2 phía tùy thuộc vào mặt cắt ngang đường và có khoảng cách đèn từ 30m đến 40m.

#### 4.6. Hệ thống hào cáp kỹ thuật và thông tin liên lạc

- Bố trí hệ thống thông tin liên lạc (cống bê, ống luồn cáp) đi ngầm sau các dãy nhà liền kề, đảm bảo mỗi hộ có 01 đường cáp quang băng thông rộng có tích hợp các dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin.

- Toàn bộ các tủ đầu cáp, hệ thống cáp, các thiết bị đầu cuối sẽ tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ;

#### 4.7. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn

\* **Thoát nước thải:** Xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa; Nước thải được thu gom thông qua hệ thống ống HDPE D300 phía sau các dãy nhà, các vị trí giáp dân hiện trạng thiết kế rãnh B400 rồi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải khu đất nằm ở khu vực hạ tầng kỹ thuật phía Tây Nam dự án, công suất trung bình là 150 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải sau khi được xử lý hợp vệ sinh đạt tiêu chuẩn xả thải. Nước thải sẽ được thoát vào hệ thống thoát nước mưa

\* **Quản lý chất thải rắn:** Tiến hành phân loại chất thải rắn ngay từ nguồn thải tại điểm tập kết rác thải. Cụ thể: Đối với khu vực công cộng, thương mại - dịch vụ bố trí hệ thống thu gom chất thải rắn cho từng khối nhà riêng; Đối với khu vực xây nhà thấp tầng: Chất thải sinh hoạt được công ty hoặc HTX môi trường thu gom trực tiếp bằng xe đẩy tay theo giờ cố định hoặc thu gom vào các thùng rác và xe tải kín; Ở các nơi công cộng như khu vực cây xanh, đường trục chính..., đặt các thùng rác nhỏ có nắp kín với khoảng cách 100 m/thùng.

**5. Các nội dung khác:** Theo báo cáo thẩm định số 103/BC-KTHT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư thôn Chấn, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500) đã được thẩm định.

**Điều 2.** Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch và triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng KT&HT, Phòng TC-KH, Phòng TN&MT, Phòng NN&PTNT, UBND xã Lam Cốt, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- LDVP, CVKT VP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Viết Toàn**